

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Dung và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Kiều Oanh - kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 49 ngày 16/4/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23 ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, thường trú tại tổ 3, khu 10, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981, thường trú tại tổ 3, khu 10, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam số 5 (Hện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí ngày 09/8/2004, do phát sinh mâu thuẫn nên chị H nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Q H (sinh ngày 13/6/2004) và Nguyễn Đ (sinh ngày 14/10/2010), chị H đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nộp đến tòa án, chị H trình bày quan điểm như sau: Về tình cảm, chị và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn năm 2004, sau khi kết hôn anh H không chú tâm làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, chị đã cho anh H nhiều cơ hội sửa sai nhưng anh H không thay đổi, hiện nay anh H phải đi chấp hành án phạt

tù ở trại giam số 5 vì vi phạm pháp luật, chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống nữa nên đề nghị giải quyết ly hôn; về con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu H và cháu D đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng; về tài sản chung chị đề nghị tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị H đã nhận được giấy triệu tập của tòa án nH đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, trong đơn chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2019 bị đơn là anh H trình bày như sau: về tình cảm, anh và chị H kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, sau khi kết hôn hai vợ chồng vẫn hòa thuận, đến khi anh bị bắt đi tù thì tình cảm của chị H với anh nhạt dần, khi biết chị H đề nghị ly hôn anh thấy bản thân mình đang chấp hành án phạt tù không giúp gì được gia đình, vì vậy anh đồng ý ly hôn để còn yên tâm cải tạo; về con chung: anh trình bày có hai con chung là cháu H và cháu D, nH anh không có quan điểm về việc này; về tài sản chung vợ chồng anh không có gì, cũng không nợ ai.

Ngoài ra, anh H cũng có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, trong đơn đề nghị vắng mặt anh giữ nguyên quan điểm như bản tự khai ngày 27/5/2019.

Tại biên bản xác minh ngày 28/6/2019, khu phố khu 10 phường Thanh Sơn cung cấp như sau: chị H và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Sơn, thời gian đầu hai vợ chồng sống bình thường, nH sau đó anh H vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam số 5, chị H không muốn chung sống với người vi phạm pháp luật như vậy nên đề nghị ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung, tài sản chung địa phương đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2019, hai cháu Nguyễn Q H và Nguyễn D đều trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ vì bố đang đi chấp hành án phạt tù không thể nuôi dưỡng các cháu được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;
 - Về quan điểm giải quyết vụ án:
 - + Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;
 - + Giao cả hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung;
 - + Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí ngày 09/8/2004, do phát sinh mâu thuẫn nên chị H nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. NH chị H và anh H đã không làm được điều này, anh H là một người chồng, một người cha không gương mẫu, đã vi phạm pháp luật hình sự và đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam số 5 tại Hện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, từ khi anh phải đi chấp hành án đến nay chị H phải một mình nuôi dạy hai con mà không nhận được sự chia sẻ, quan tâm nào của anh, đến nay chị H không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân như vậy nữa, như trong đơn khởi kiện chị đã trình bày là cuộc hôn nhân này kéo dài cũng chỉ khiến chị mệt mỏi thêm. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị H và anh H đã thật sự không thể hàn gắn, tình cảm giữa hai bên đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Q H (sinh ngày 13/6/2004) và Nguyễn D (sinh ngày 14/10/2010).

Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, anh H hiện đang chấp hành án phạt tù không thể trực tiếp chăm sóc các cháu và cũng không có điều kiện cấp dưỡng, như vậy, việc giao hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho hai cháu một cách tốt nhất.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Q H (sinh ngày 13/6/2004) và Nguyễn D (sinh ngày 14/10/2010) kể từ ngày bản án này của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

Sau khi ly hôn hai bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000802 ngày 16/4/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi gửi:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Bắc Sơn;
- VKSND Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải